

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 29 -11- 2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tân và bà Hoàng Thị Lý

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn chị Trần Thị L, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn anh Lê Văn T, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L khai:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế, cuộc sống hàng ngày của gia đình do chị L lo toan, anh T đi làm nhưng không hỗ trợ chị L về

kinh tế trong cuộc sống gia đình hàng ngày. Mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ của anh T. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2022 đến nay. Chị L và anh T đã sống ly thân từ 23 tháng 7 năm 2024. Nay chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị L xin ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 04 con chung gồm Lê Thị N, sinh ngày 02/09/2006, Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/3/2010; Lê Trọng T1, sinh ngày 14/5/2008 và Lê Đức D, sinh ngày 31/8/2013. Ly hôn chị đề nghị giao hai con chung Lê Trọng T1, Lê Đức D cho anh T nuôi dưỡng. Ly hôn chị L xin được giao quyền nuôi con chung là Lê Thị Thanh H. Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Lê Trọng T1 bị tàn tật bẩm sinh, không thể chăm sóc bản thân. Do điều kiện của anh T có nhà ở, hiện nay chị không có nhà ở nên không đủ điều kiện nuôi con Lê Trọng T1. Chị L đi làm công nhân thu nhập mỗi tháng trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Đối với con chung Lê Thị N đã đủ 18 tuổi trưởng thành, con ở với ai do con tự quyết định.

Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn T khai:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị L trình bày ở trên là đúng. Cuộc sống chung vợ chồng đôi lúc có xảy ra cãi vã nhưng không trầm trọng. Giữa bố mẹ anh T và chị L có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng. Quá trình Tòa án hòa giải anh T không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh T thống nhất anh và chị L có 04 con chung như chị L trình bày là đúng. Con chung là Lê Thị N đã đủ 18 tuổi hiện đang đi học nghề làm đẹp chưa có thu nhập vẫn còn sống phụ thuộc vào bố mẹ. Cháu Lê Trọng T1 bị tàn tật bẩm sinh. Anh T đề nghị giao hai con chung Lê Thị N và Lê Đức D cho anh nuôi dưỡng. Giao hai con chung là Lê Thị Thanh H và Lê Trọng T1 cho chị L nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của con chung: Cháu Lê Thị Thanh H có nguyện vọng ở với chị L, cháu Lê Đức D có nguyện vọng ở với anh T.

- Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L và anh Lê Văn T tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Q: Cuộc sống chung của chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên nhân kinh tế trong gia đình và một phần nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ của anh T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Trọng T1, sinh ngày 14/5/2008 và Lê Đức D, sinh ngày 31/8/2013 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/3/2010 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung là Lê Thị N đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T và chị L vì không ai yêu cầu.

Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Văn T có nơi cư trú tại thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về hôn nhân: Trần Thị L và anh Lê Văn T đăng kết hôn với nhau vào ngày 30/11/2005 tại ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An). Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh T là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình và mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ anh T. Tại phiên tòa, chị L và anh T đều cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Chị L và anh T đều thống nhất tự nguyện ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn T.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T có 04 con chung gồm Lê Thị N, sinh ngày 02/09/2006; Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/3/2010; Lê Trọng T1, sinh ngày 14/5/2008 và Lê Đức D, sinh ngày 31/8/2013. Ly hôn chị L có nguyện vọng giao hai con chung Lê Trọng T1, Lê Đức D cho anh T nuôi dưỡng. Chị L xin được giao quyền nuôi con chung là Lê Thị Thanh H. Anh T có nguyện vọng giao hai con chung Lê Thị N và Lê Đức D cho anh nuôi dưỡng, giao hai con chung là Lê Thị Thanh H và Lê Trọng T1 cho chị L nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng được nuôi con của chị L và anh T là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung. Tuy nhiên, khi giao quyền nuôi con chung Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của cha mẹ để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

[4]. Xét con chung Lê Thị N đã đủ 18 tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét việc giao quyền nuôi con chung, cháu N muốn ở với ai do cháu tự quyết định. Con chung Lê Trọng T1 bị khuyết tật, không có khả năng nhận thức, mọi sinh hoạt đều phải phụ thuộc vào bố mẹ. Từ khi anh T và chị L sống ly thân, các con chung đều ở với anh T, anh T có nơi ở ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung là Lê Trọng T1 và Lê Đức D cho anh T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn điều kiện học tập, sinh sống cho con chung. Cháu Lê Thị Thanh H là cháu gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý phức tạp nên cần thiết giao cho chị L nuôi dưỡng. Đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu H.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L và anh T vì không ai yêu cầu.

[6]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[7]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 30/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) hết giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T có 04 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 02/09/2006, Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/3/2010; Lê Trọng T1, sinh ngày 14/5/2008 và Lê Đức D, sinh ngày 31/8/2013. Giao hai con chung Lê Trọng T1 và Lê Đức D cho anh Lê Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/3/2020 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Lê Thị N đã đủ 18 tuổi trưởng thành, cháu muốn ở với ai do cháu tự quyết định. Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0008593 ngày 09 tháng 10 năm 2024.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tx Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Lĩnh